

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T,

Địa chỉ: Ngõ X đường T, tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Trương Công H,

Địa chỉ: Tiểu khu Z, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trương Công H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trương Công H thống nhất có 01 con chung tên là Trương Ngọc Uyên N, sinh ngày 19/9/2015; Chị T và anh H thoả thuận giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H

đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Trương Công H thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Hai bên thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Huyền T chịu trách nhiệm nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh Trương Công H để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004724 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Chị T đã nộp đủ án phí

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Trần Đức Long